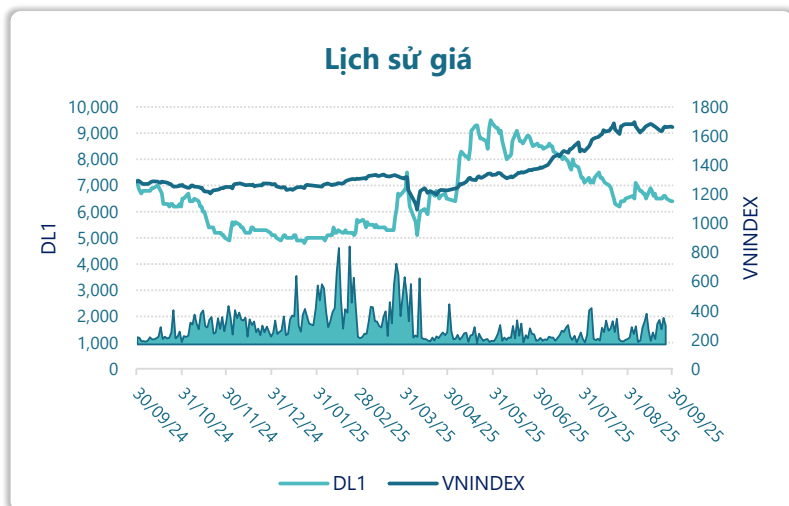


CTCP Tập đoàn Alpha Seven (HNX: DL1)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,800
SL cổ phiếu LH	106,236,094
KLGD BQ 20 phiên (CP)	672,255
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	680
P/E	-15.8
EPS	-405

DT thuần
Q3/25

209

tỷ VNĐ

QoQ: ▼61.0| -22.6%

YoY: ▲ 133| 176%

LN sau thuế
Q3/25

11.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.20| 248%

YoY: ▼15.9| -58.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25

13.5%

+/- YoY: ▼ 44.4%

DT thuần
9T 2025

658

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 416| 172%

LN sau thuế
9T 2025

42.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼43.1| -50.5%

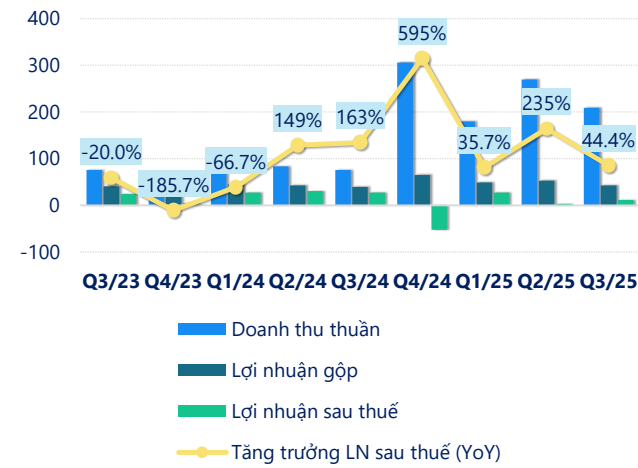
ROE
Q3/25

-3.0%

+/- YoY: ▼ 6.8%

tỷ VNĐ

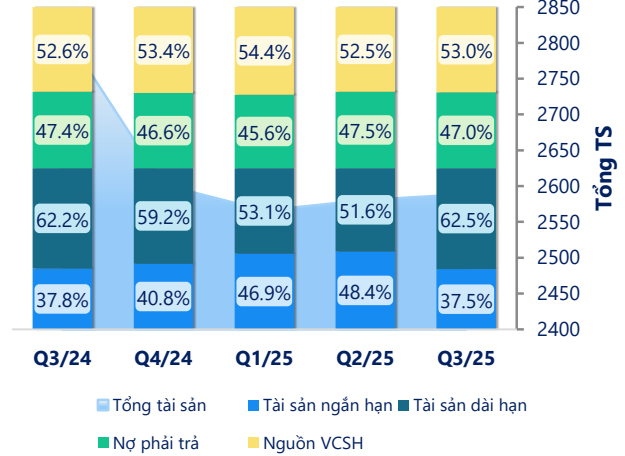
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

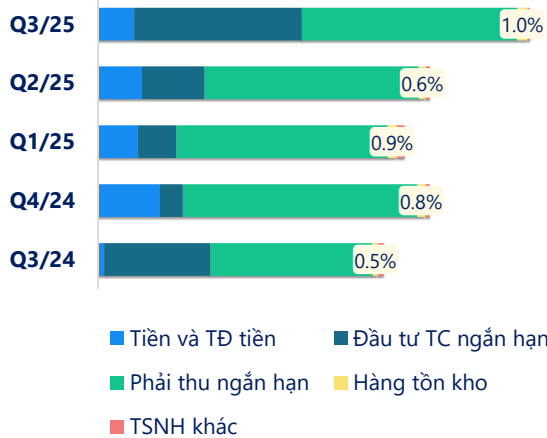
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



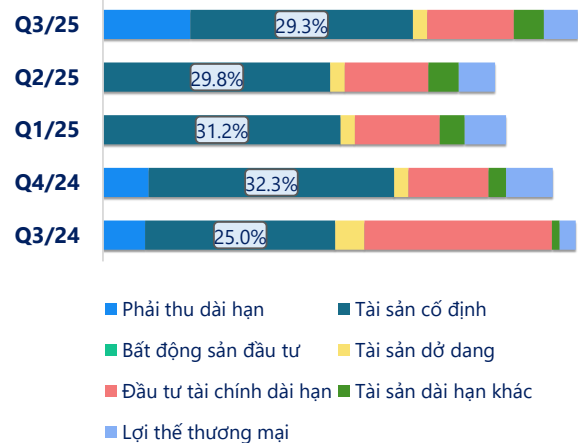
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

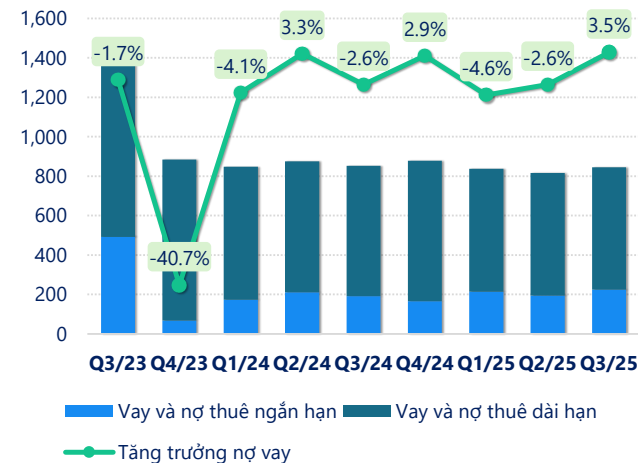
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

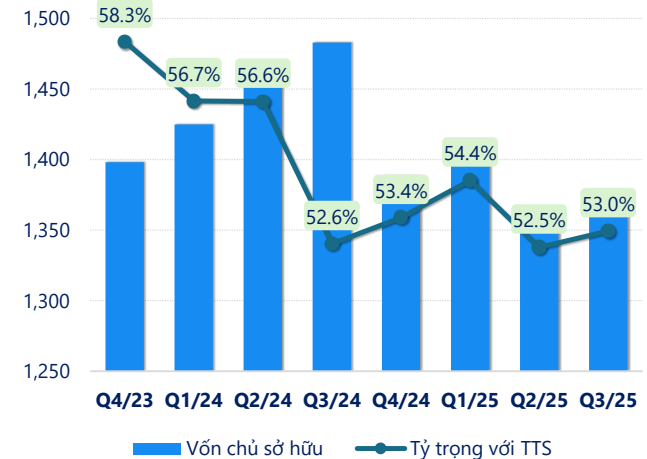
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

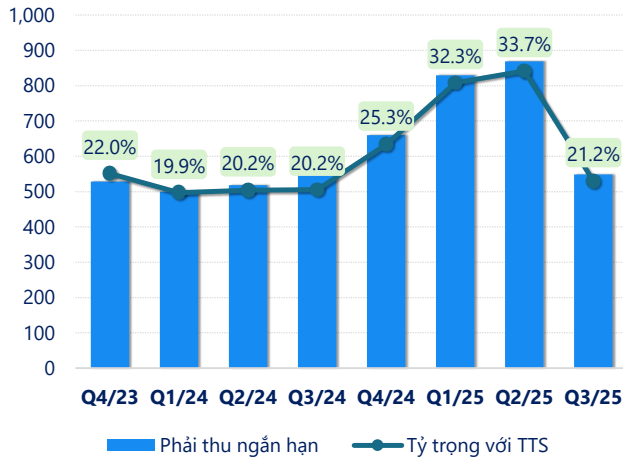
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



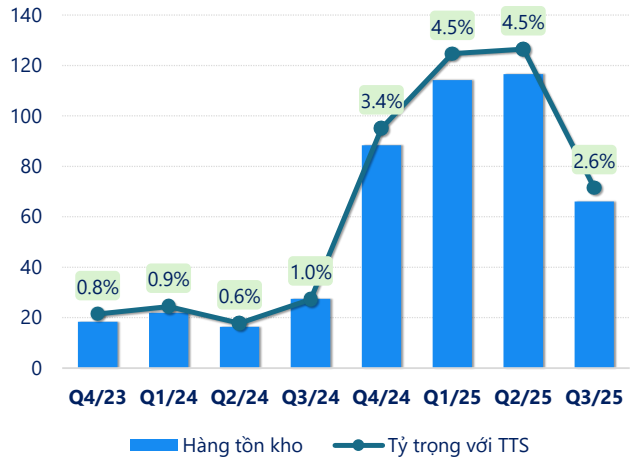
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


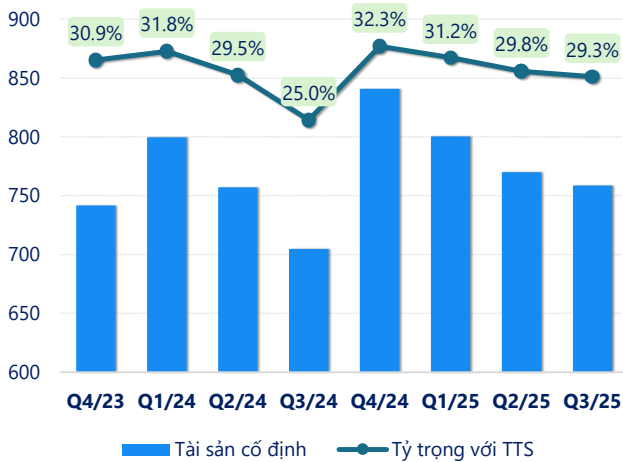
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


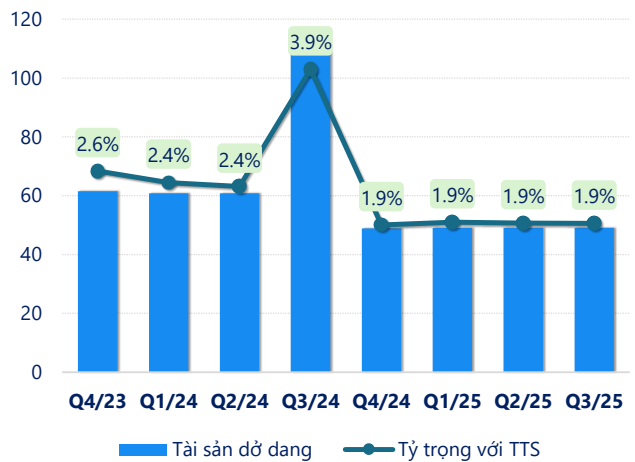
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

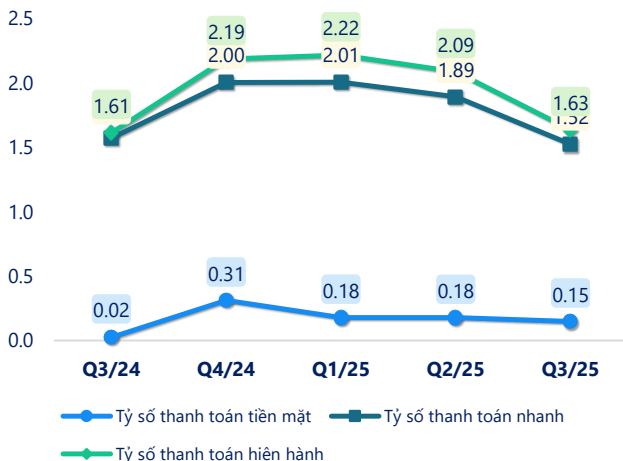
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

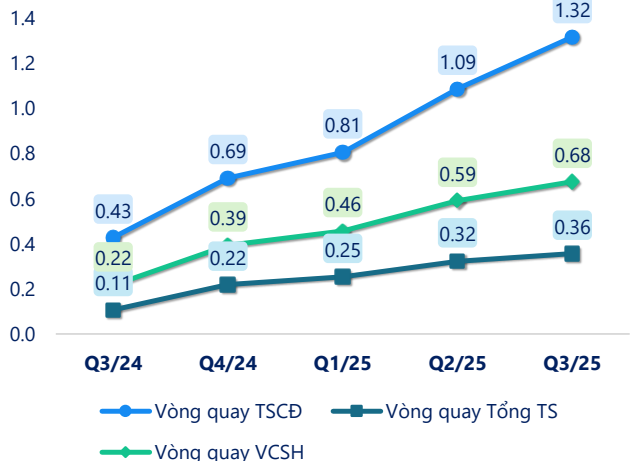
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,819	2,602	2,566	2,580	2,589
Tài sản ngắn hạn	1,065	1,061	1,204	1,248	970
Tiền và tương đương tiền	16.2	151	96.8	106	87.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	445	152	151	143	264
Phải thu ngắn hạn	570	659	830	869	549
Hàng tồn kho	27.5	88.4	114	117	66.1
Tài sản ngắn hạn khác	6.17	10.7	12.7	13.4	3.54
Tài sản dài hạn	1,754	1,541	1,362	1,332	1,619
Phải thu dài hạn	157	157	2.06	2.06	298
Tài sản cố định	705	841	800	770	759
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	109	48.8	49.1	49.1	49.1
Đầu tư tài chính dài hạn	696	275	286	285	295
Tài sản dài hạn khác	28.0	59.6	84.7	103	102
Lợi thế thương mại	59.9	161	140	124	116
Nợ phải trả	1,336	1,214	1,170	1,225	1,217
Nợ ngắn hạn	660	485	544	598	594
Vay và nợ thuê ngắn hạn	191	166	214	194	225
Phải trả người bán ngắn hạn	279	113	132	209	199
Nợ dài hạn	676	728	626	627	624
Vay và nợ thuê dài hạn	662	712	624	622	620
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,483	1,388	1,396	1,355	1,371
Vốn chủ sở hữu	1,483	1,388	1,396	1,355	1,371
Vốn điều lệ	1,062	1,062	1,062	1,062	1,062
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)